

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 8 - 2024.

*"V/v Tranh chấp hôn nhân
và gia đình".*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quế Hương.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Lập.

Ông Nguyễn Văn Móm Em.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Minh Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 320/2024/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 205/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm: 1995 (có mặt).

Nơi thường trú: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long

Chỗ ở hiện nay: ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh Ngô Quang V, sinh năm: 1987 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh V do mai mối, có tìm hiểu nhau rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 14 tháng 05 năm 2014.

Sau khi kết hôn chị T và anh V sống chung với gia đình cha mẹ ruột anh

V tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu anh, chị chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh V thường xuyên chơi game trên mạng, không chăm lo cho gia đình, vợ chồng thường hay cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tình cảm dành cho nhau dần phai nhạt. Từ tháng 05/2023 thì chị và anh V còn sống chung nhà nhưng không ai quan tâm ai và đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Vào đầu tháng 06/2024 thì chị T đã về nhà cha mẹ ruột của chị để sinh sống.

Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung vợ chồng không hạnh phúc nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh V.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Ngô Nhật Cát T1, sinh ngày 08/04/2015 và Ngô Thành Đại N, sinh ngày 24/02/2019. Hiện nay 02 cháu Cát T1 và Đại N đang sống chung với chị T, cháu T1 có nguyện vọng muốn sống chung với chị T. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu Cát T1, Đ và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi 02 cháu Cát T1, Đ

- Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn anh Ngô Quang V trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh V thống nhất theo lời trình bày của chị T về quá trình hình thành hôn nhân và thời gian chung sống. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 14 tháng 05 năm 2014. Thời gian đầu anh, chị chung sống hạnh phúc, đến khoảng 1 năm nay thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do kinh tế trong gia đình không ổn định. Trước đây anh V có mượn tiền chơi game nhưng đã bỏ từ lâu. Vào đầu tháng 06/2024 thì chị T đã về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay.

Nay với yêu cầu xin ly hôn của chị T thì anh V không đồng ý mà yêu cầu được đoàn tụ để chăm lo cho gia đình, anh V sẽ chăm lo làm ăn và tiền bạc trong gia đình sẽ do chị T quyết định.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Ngô Nhật Cát T1, sinh ngày 08/04/2015 và Ngô Thành Đại N, sinh ngày 24/02/2019. Hiện nay 02 cháu Cát T1 và Đại N đang sống chung với chị T, cháu T1 có nguyện vọng muốn sống chung với chị T. Sau khi ly hôn anh V yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu Cát T1, Đ và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi 02 cháu Cát T1, Đ

- Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ý kiến ngày 03/7/2024 thì cháu Cát T1 có nguyện vọng muốn sống chung với chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị Cẩm T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị và anh Ngô Quang V. Căn cứ quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh V do mai mối rồi đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 39/2014 ngày 14 tháng 5 năm 2014 nên hôn nhân giữa anh, chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Xét thấy, Chị T và anh V đã có nhiều mâu thuẫn xảy ra trong cuộc sống hôn nhân; anh, chị đã phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân trong thời gian dài mà không thể hàn gắn đoàn tụ, đã cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Anh V và chị T có 02 người con chung tên Ngô Nhựt Cát T1, sinh ngày 08/04/2015 và Ngô Thành Đại N, sinh ngày 24/02/2019. Hiện nay 02 cháu Cát T1 và Đại N đang sống chung với chị T. Tại phiên Tòa anh V đề nghị giao 02 cháu Cát T1 và Đại N cho cùng 01 người nuôi dưỡng, vì 02 cháu không thể tách rời nhau. Cháu T1 có nguyện vọng muốn sống chung với chị T.

Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường cho 02 cháu Cát T1 và Đại nghĩa cần tiếp tục giao 02 cháu Cát T1 và Đại nghĩa cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên anh V không phải cấp dưỡng nuôi 02 cháu Cát T1 và Đại nghĩa.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả:* Chị T và anh V thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Án phí sơ thẩm:* Buộc chị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với anh Ngô Quang V.

- Về con chung: Giao cháu Ngô Nhật Cát T1, sinh ngày 08 tháng 04 năm 2015 và cháu Ngô Thành Đại N, sinh ngày 24 tháng 02 năm 2019 cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi cháu Ngô Nhật Cát T1 và Ngô Thành Đại n.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Ngô Quang V thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm:

Buộc chị Nguyễn Thị Cẩm T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0009192 ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Nguyễn Thị Cẩm T đã nộp đủ không phải nộp thêm.

Anh Ngô Quang V không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Hiếu Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Quế Hương